TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ R** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 10 - 2024
V/v: "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Thùy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Cung Kim Sang**

2. Bà Nguyễn Quốc Tiến

Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Phan Mai Hoa** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 245/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 06 năm 2024, về việc "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 08 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2024/QĐST-HN ngày 13 tháng 09 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Kim L, sinh ngày 04/09/1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 173/7 đường T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn C, sinh ngày 10/02/1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 173/7 đường T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 394A đường M, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20/05/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Kim L trình bày:*** Chị L và anh C tự nguyện tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 162 ngày 08/08/2005. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sống cùng gia đình bên chồng tại địa chỉ số 394A đường V, phường V1, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, đến năm 2019 thì vợ chồng về sống tại số 173/7 đ đường T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang đến

nay. Sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn đến năm 2020 thì sống ly thân đến nay.

Lý do xin ly hôn: Do tính tính vợ chồng không hoà hợp, luôn bất đồng quan điểm trong cách sống dẫn đến cự cải nhau, ngoài ra chị L còn nghi ngờ anh C có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, chị L đã từng gửi đơn ly hôn tại Toà án và tự nguyện rút đơn về để cho anh C cơ hội sửa đổi nhưng không được mà muân thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trong hơn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L với anh C không còn nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị Trần Kim L xác định vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Phạm Anh K, sinh ngày 28/09/2005 (đã trưởng thành) và Phạm Mỹ H, sinh ngày 18/01/2008. Chị L yêu cầu được nuôi người con chung tên H, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Kim L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn: Chị Trần Kim L xác định không còn tình cảm yêu thương với anh C nữa và yêu cầu được ly hôn với anh C; Về con chung; Tài sản chung, nợ chung: Chị L giữ theo yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Riêng anh Phạm Văn C không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Kim L được ly hôn với anh Phạm Văn C. Về con chung: Giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng người con tên Phạm Mỹ H, sinh ngày 18/01/2008, đối với người con tên Phạm Anh K, sinh ngày 28/09/2005 đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét; Tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định không có không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Nếu anh C cho rằng có tài sản chung, nợ chung có tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Kim L khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung với bị đơn anh Phạm Văn C và anh C là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung"; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn C đã được Toà án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự như: Giao thông báo thụ lý vụ án và tống đạt hợp lệ các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử; nhưng anh C cố tình tránh mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị L yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn anh C theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt anh C.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Kim L và anh Phạm Văn C được xác lập trên cơ sở tự nguyện; Có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được UBND phường phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 162 ngày 08/08/2005 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh C, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị L và anh C không còn yêu thương, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Bởi lẻ, chị L xác định sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì vợ chồng đầu phát sinh mâu thuẫn, do tính tình hai bên không hoà hợp, luôn bất đồng quan điểm dẫn đến cự cải nhau trong cuộc sống hằng ngày, ngoài ra chị L còn nghi ngờ anh C có người phụ nữ khác bên ngoài nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian chị L, anh C sống ly thân anh, chị không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Căn cứ quy định khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Anh C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh C không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của chị L cũng như chứng cứ do chị L cung cấp.

Từ đó cho thấy, anh C không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh với chị L, do đó xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh C đã đến mức trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh C là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh C.

[5] Về quan hệ con chung: Chị Trần Kim L xác định vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Phạm Anh K, sinh ngày 28/09/2005 (đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không yêu cầu Toà án giải quyết) và Phạm Mỹ H, sinh ngày 18/01/2008, chị L yêu cầu được nuôi con tên H. Xét thấy, cháu H là bé gái và được chi L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng từ nhỏ, để không làm thay đổi môi trường sống ảnh hưởng đến việc phát triển tâm sinh lý của cháu H. Mặt khác, cháu H cũng muốn được tiếp tục sinh sống cùng với mẹ được thể hiện tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 11/06/2024, do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng người con tên H. Chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung, về nợ chung: Chị Trần Kim L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nếu anh C cho rằng có tài sản chung, nợ chung có tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Kim L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Kim L được ly hôn với anh Phạm Văn C.

2. Về con chung: Giao chị Trần Kim L tiếp tục nuôi dưỡng người con tên Phạm Mỹ H, sinh ngày 18/01/2008, Chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Đối với người con tên Phạm Anh K, sinh ngày 28/09/2005 (đã trưởng thành và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không yêu cầu Toà án giải quyết), chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Kim L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Kim L phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng),* chị L được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004738 ngày 05/06/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền Kháng cáo: Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 01/10/2024), đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Thùy Linh